

ĐẶC ĐIỂM PHẠM TRÙ “THÁI ĐỘ” TRONG KHUNG NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ QUA TRUYỆN NGẮN *GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA* CỦA THẠCH LAM, NGŨ VĂN 6, BỘ *KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG*

NGUYỄN HOÀI LINH¹
NGUYỄN THI VIỆT LÊ²

Abstract: From that theoretical background of the language of evaluation, the article examined the text of the story *Gió lạnh đầu mùa* - Thạch Lam in the textbook Literature 6, the series *Connecting knowledge and life*. However, within the framework of the article, we only focus on the category “attitude” and the article is accordingly divided into 2 main contents: 1) Overview of the category “attitude” in the language of evaluation framework; 2) Characteristics of the category “attitude” in the text of the story *Gió lạnh đầu mùa* - Thạch Lam viewed from the language of evaluation framework. Learning about the characteristics of the category “attitude” in the text of the story *Gió lạnh đầu mùa* by Thạch Lam in the textbook Literature 6, the series *Connecting knowledge and life*, we aim to identify the language of evaluation features that fulfill the interpersonal function in the text, thereby contributing to clarifying the semantic characteristics of literary discourse in Thạch Lam's short story *Gió lạnh đầu mùa*. The research results also illuminate the language of evaluation framework in in reading comprehension of the story.

Keywords: *The Language of Evaluation, attitude, “Gió lạnh đầu mùa”, story texts*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ đánh giá (language of evaluation) là ngôn ngữ thể hiện những xúc cảm cá nhân, đánh giá hành vi hay sự vật hiện tượng thường xuất hiện trong đời sống xã hội. Ngôn ngữ đánh giá gắn liền với những giá trị của văn hoá, xã hội theo từng cá nhân hoặc cộng đồng. Trong đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ hiện nay, ngôn ngữ đánh giá được xem là một hướng đi đầy triển vọng ngày càng được giới ngôn ngữ học quan tâm. Ngôn ngữ đánh giá tập trung nghiên cứu trên ba phạm trù *thái độ, thang độ, giọng điệu*. Khung ngôn ngữ đánh giá sẽ là cơ sở cho việc phân tích nghĩa liên nhân căn cứ vào chính ngữ nghĩa diễn ngôn của văn bản.

Từ nền tảng lí thuyết ngôn ngữ đánh giá, bài viết đã khảo sát văn bản truyện *Gió lạnh đầu mùa* (GLĐM) - Thạch Lam trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, Tập 1, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ tập trung vào phạm trù “thái độ” ở văn bản truyện GLĐM của Thạch Lam trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, tập 1, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* nhằm chỉ ra đặc điểm ngôn ngữ đánh giá thực hiện chức năng liên nhân trong văn bản tác phẩm, qua đó góp phần làm sáng tỏ đặc điểm ngữ nghĩa của diễn ngôn văn học trong truyện ngắn GLĐM của Thạch Lam, xét trên bình diện liên nhân. Các kết quả nghiên cứu đồng thời cũng làm sáng tỏ khung ngôn ngữ đánh giá trong đọc hiểu văn bản truyện.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về phạm trù “thái độ” trong khung ngôn ngữ đánh giá

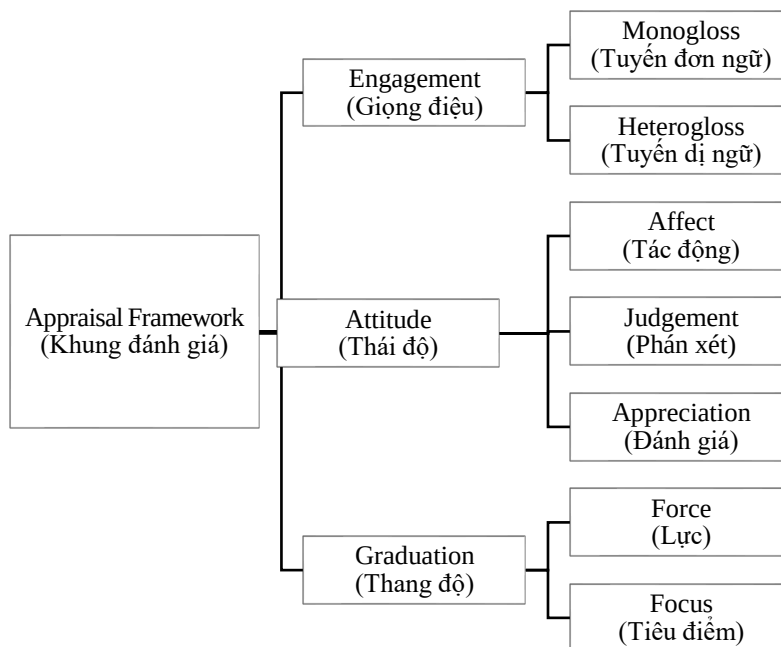
Lí thuyết ngôn ngữ đánh giá được tìm hiểu theo nhiều hướng tiếp cận. Các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về ngôn ngữ đánh giá. Lí thuyết về ngôn ngữ đánh giá và bộ khung đánh

¹ Giảng viên, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

² ThS, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

giá ngôn ngữ trong “The Language of Evaluation: Appraisal in English” của Martin and White (2005) là cơ sở lí luận cơ bản nhất được vận dụng vào phân tích văn bản trong bài nghiên cứu này. Theo Martin và White “Ngôn ngữ đánh giá nhằm bày tỏ quan điểm của bản thân về hành vi con người, về các hiện tượng, sự vật trong đời sống xã hội và thế giới tự nhiên và nhằm tìm hiểu hoặc làm thay đổi quan điểm của người khác về hiện tượng sự vật đó” [11]. Như vậy, *ngôn ngữ đánh giá* theo quan điểm của Martin và White tập trung vào mặt ngữ nghĩa diễn ngôn nhằm thể hiện rõ những lớp nghĩa của một văn bản qua các đặc trưng ngữ nghĩa và phương tiện từ vựng - ngữ pháp. Đặc trưng ngữ nghĩa được kiến giải không chỉ dựa vào ngữ cảnh mà còn dựa vào cơ sở văn hoá - xã hội, quan điểm của chủ thể đánh giá. Từ việc tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ trong văn bản, người học và người đọc sẽ phần nào hiểu được hoàn cảnh cụ thể và mục đích văn bản gửi gắm, đồng thời nắm được giá trị cốt lõi của một văn bản truyện.

Khung ngôn ngữ đánh giá được thể hiện qua ba phạm trù chính: *thái độ*, *thang độ* và *giọng điệu*.



Sơ đồ 1. Khung đánh giá (theo Martin và White, [11, tr.38])

Trong giới hạn nghiên cứu, bài viết sẽ tập trung vào trình bày và phân tích phạm trù *thái độ*, thông qua nguồn từ vựng - ngữ pháp mang chức năng đánh giá, bao gồm *từ*, *cụm từ*, *câu*, để chi tiết hoá phạm trù này dựa trên lí thuyết và các ví dụ cụ thể.

Có thể hiểu, *thái độ* là “các giá trị mà ở đó quan điểm tích cực hoặc tiêu cực được hoạt hoá” [6]. Thông qua hệ thống ngôn từ đã được biểu thị trong văn bản và trong những ngữ cảnh cụ thể có thể xếp những nhóm từ đó thuộc nhóm tích cực hay tiêu cực.

Phạm trù *thái độ* có thể được mã hóa trong bộ khung gồm:

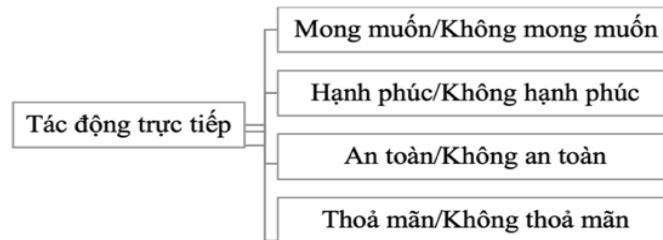
- Chủ thể đánh giá (CTĐG) hay chủ thể của cảm xúc: là người hoặc vật có lí trí, nêu thái độ và chính kiến;
- Bị thể đánh giá (BTĐG): là người hoặc vật bị/ được đánh giá/ phán xét;
- Giá trị đánh giá (GTĐG): thể hiện qua đơn vị từ vựng mang chức năng đánh giá, phán xét.

Hệ thống *thái độ* bao gồm bao gồm ba bình diện ngữ nghĩa là *tác động* (affect), *phán xét hành vi* (judgement) và *đánh giá sự vật hiện tượng* (appreciation). Phạm trù *thái độ* này sẽ được chia thành các nhóm *tích cực* hoặc *tiêu cực*, không những được thể hiện một cách *hiển ngôn* thông qua từ ngữ mà còn được thể hiện *hàm ngôn*. Tuy nhiên, để nắm rõ được các nhóm từ này cần phải đặt vào một ngữ cảnh cụ thể.

2.1.1. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “*thái độ*” hiển ngôn

a. Tác động

Tác động (affect) hay còn được gọi là *cảm xúc* (emotion) nhằm biểu đạt những tâm tư, tình cảm và cảm xúc, trạng thái tinh thần như *buồn, vui, giận dữ...* hoặc có thể là một quá trình của hành vi *khóc, la mắng, cười ...* của chủ thể đánh giá/bị thể đánh giá. Các giá trị thuộc bình diện “*tác động*” được thể hiện thông qua các cặp cảm xúc đối lập nhau và chia thành các nhóm *tích cực* và *tiêu cực*. Hiện thực hoá “*tác động*” được thể hiện qua những trạng thái cảm xúc được bộc lộ một cách trực tiếp ở các cặp đối lập nhau và biểu thị qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. Phân loại nhóm tác động trực tiếp (Martin và White, 2005, tr.38)

(1) **Mong muốn/không mong muốn** thường là những yêu cầu từ ý thức, nguyện vọng của mỗi chủ thể đánh giá.

(2) **Hạnh phúc/Không hạnh phúc** là sự biểu đạt về trạng thái vui/buồn của mỗi chủ thể.

(3) **An toàn/không an toàn** hướng đến những bình yên, sự an toàn hoặc những lo nghĩ xung quanh vấn đề xã hội.

(4) **Thoả mãn/không thoả mãn** bày tỏ thái độ quan tâm đến một vấn đề nào đó khiến cho chủ thể vừa lòng.

b. Phán xét hành vi

Phán xét hành vi có thể bắt nguồn từ chính nghĩa kinh nghiệm của chủ thể đánh giá và những quan điểm đánh giá này có thể bắt nguồn từ quy ước xã hội, mỗi cá nhân có thể đưa ra những ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống xung quanh bao gồm việc: *khen, chê, ca ngợi, phê bình, góp ý, ...* Theo Nguyễn Thị Hương Lan quan điểm về *phán xét hành vi*: “Thái độ của chúng ta khi giao tiếp với người đọc/ người nghe có thể bao gồm ý kiến về hành vi của con người (họ làm gì, họ nói gì và họ tin tưởng điều gì)” [6]. Tuy nhiên, việc phán xét hành vi cần dựa trên một tiêu chuẩn để tránh việc đánh giá với việc chỉ trích và đặc biệt nhằm đánh giá một cách khách quan nhất.

Phán xét hành vi được chia làm hai nhóm bao gồm: *Thuộc tính cá nhân* (Social Esteem) và *quy ước xã hội* (Social sanction).

(1) **Thuộc tính cá nhân** là những phán xét về một sự vật hiện tượng (khen/chê) mang tính chất cá nhân. Trong thuộc tính cá nhân được chia làm 3 tiểu nhóm:

- *Thông thường* (normality) trả lời cho câu hỏi: anh ấy/cô ấy có gì đặc biệt không?
- *Khả năng* (capacity) là những thể hiện về khả năng trí tuệ, vật chất, ...
- *Kiên trì* (tenacity) là những thể hiện về sự quyết tâm của mỗi người khi làm một công việc nào đó.

(2) *Quy ước xã hội* (social sanction) là những phán xét hành vi dựa trên những chuẩn mực của xã hội và ở nhóm quy ước xã hội được chia làm 2 tiểu nhóm:

- *Thành thật* (veracity) chỉ hành vi của một cá nhân có đúng với sự thật hay không và điều đó sẽ trả lời cho câu hỏi: *Anh ấy/cô ấy có nói đúng sự thật không?*
- *Phép tắc/ đạo đức* (propriety) nhằm thể hiện việc làm của ai đó có đúng với chuẩn mực xã hội hay không.

c. Đánh giá sự vật hiện tượng

Đánh giá sự vật hiện tượng (appreciation) đây là bình diện đánh giá về giá trị mà văn bản đó trực tiếp mang lại. *Đánh giá sự vật hiện tượng* theo Martin và White [11], chia làm ba nhóm: *phản ứng* (reaction), *tổng hợp* (composition) và *giá trị* (valuation).

Phản ứng là những thay đổi của sự vật hiện tượng có gây sự chú ý hoặc tạo được sự hấp dẫn đối với người đánh giá.

Tổng hợp là đánh giá một cách toàn diện và cân bằng về sự vật, hiện tượng dựa trên các tiêu chí hoặc chuẩn mực xã hội, quan điểm cá nhân và sở thích của mỗi người. Đặc biệt đánh giá tổng hợp thường đánh giá về kết cấu, hình thức văn bản.

Giá trị là đánh giá những giá trị mang tính xã hội. Để đánh giá một sự vật, hiện tượng có giá trị hay không cần rất nhiều yếu tố như: “Chúng có ích không?, có quan trọng không?” [6]. Ngô Thị Bích Thu [12] đã chia hệ thống này theo các câu hỏi thăm dò hiện thực hoá *đánh giá sự vật hiện tượng* được thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 1. Dựa theo hệ thống đánh giá sự vật hiện tượng (theo [12])

Đánh giá sự vật hiện tượng	Câu hỏi thăm dò
Phản ứng	Điều đó có gây chú ý không?
Tổng hợp	Điều đó đơn giản hay phức tạp, có cân bằng hay không?
Giá trị	Điều đó có quan trọng không? Có ích lợi không?

2.1.2. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “thái độ” hàm ngôn

Thái độ hàm ngôn trái ngược với hiển ngôn, đó chính là việc phải đặt từ ngữ đó trong một ngữ cảnh cụ thể. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương Lan, “Sự thể hiện thái độ hàm ngôn được thể hiện qua cấp độ: *gợi mở* (provoke), *ra hiệu* (flag), *cung cấp* (afford)” [6].

Thứ nhất, *gợi mở* được hiện thực hoá thông qua các biện pháp nghệ thuật như “so sánh, nhân hoá, hoặc qua thành ngữ, tục ngữ”

Thứ hai, *ra hiệu* được hiện thực hoá thông qua các yếu tố tăng cường thang độ và các đại từ nhân xưng.

Thứ ba, *cung cấp* được hiện thực hoá thông qua sự lựa chọn có mục đích nghĩa biểu đạt.

2.2. Phân biệt ba bình diện ngữ nghĩa trong hệ thống “thái độ” hiển ngôn theo khung ngôn ngữ đánh giá của Ngữ pháp chức năng hệ thống

Thông qua những khái niệm, sự phân loại về mặt từ vựng của ba bình diện ngữ nghĩa trong hệ thống thái độ bao gồm: “tác động, phán xét hành vi, đánh giá sự vật hiện tượng” đã cho thấy phần nào ranh giới của ba bình diện đó. Dựa vào khung ngôn ngữ đánh giá của Martin và White [11, tr.58-60] và các cấu trúc ngữ pháp thể hiện hệ thống thái độ. Một số ví dụ để hiểu thêm về đặc trưng của các bình diện ngữ nghĩa đó trong phạm trù *thái độ* thể hiện trong bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Khung ngôn ngữ đánh giá “thái độ” của Ngữ pháp chức năng hệ thống

Hệ thống thái độ	Khung ngôn ngữ đánh giá của Ngữ pháp chức năng hệ thống	Ví dụ
Tác động	Ai đó + cảm thấy + tác động	(1) <i>Son đứng lặng yên đợi, trong cho tự nhiên thấy ấm áp vui vui.</i> (tr.71)
	Một điều làm cho ai đó cảm thấy + tác động + định đề	(2) <i>Nhưng đến lúc rời Son lại gần để mặc áo, Son thấy mẹ hơi rom rom nước mắt.</i> (tr.72)
Phán xét hành vi	Ai đó làm như vậy thì + phán xét hành vi	(3) <i>Ai bảo cậu dại dột đem áo cho nó?</i> (tr.71)
	Đối với ai đó, làm như vậy thì + phán xét hành vi	(4) <i>Sinh là đứa em họ Son, vẫn hay nói hỡn với vú già nên vú ấy ghét.</i> (tr.71)
	Ai đó + phán xét hành vi khi làm như vậy	(5) <i>Chúng như biết cái phận nghèo của chúng vậy, tuy Son và chị vẫn thân mật chơi đùa với, [...] (tr.72)</i>
Đánh giá sự vật hiện tượng	Ai đó coi/xem/thấy cái gì + đánh giá sự vật hiện tượng	(6) <i>Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?</i> (tr.72)

Trong ngôn ngữ đánh giá, phương tiện thể hiện ngôn ngữ đánh giá rất đa dạng, có thể kể tới một số phương tiện thể hiện như sau:

Thứ nhất, bình diện *tác động* - hiển ngôn được hiện thực hoá qua các tính từ, ví dụ *Anh ấy rất **chán***.; thể hiện thông qua quá trình với các động từ, ví dụ *Son **sợ** lắm*.; ngoài ra, còn được hiện thực hoá qua danh từ/cụm danh từ, ví dụ *Những **người nghèo khổ** mà Son quen biết cả vì họ vẫn vay mượn nhà Son*.

Thứ hai, bình diện *phán xét hành vi* - hiển ngôn được hiện thực hoá qua các tính từ, ví dụ: *Anh ấy có khả năng học **nhANH***.

Thứ ba, bình diện *đánh giá sự vật hiện tượng* được thể hiện qua tình thái từ chỉ sự đánh giá, ví dụ *Cậu ấy **đám** nhảy trên khán đài*.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm phạm trù “thái độ” trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, Ngữ văn 6, tập 1, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

Đầu tiên, để nắm được khái quát đặc điểm phạm trù *thái độ* (*hiển ngôn, hàm ngôn*), bài viết đã khảo sát ngữ liệu thông qua các phương tiện hiện thực hoá phạm trù *thái độ* trong văn bản truyện GLĐM - Thạch Lam, Ngữ văn 6, tập 1, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Các giá trị đánh giá có thể được mã hóa trong một bộ khung bằng cách xem người thể hiện cảm xúc (emoter) như một chủ thể đánh giá (appraiser), bị thể đánh giá (appraised) là người hoặc vật bị/được đánh giá và giá trị đánh giá được nhận diện thông qua các từ ngữ mang chức năng đánh giá thể hiện hiển ngôn hoặc hàm ngôn.

Khảo sát tác phẩm GLĐM - Thạch Lam, sách giáo khoa Ngữ văn 6, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, kết quả về tần suất sử dụng các từ ngữ mang chức năng ngữ pháp thể hiện thái độ hiển ngôn và hàm ngôn được thể hiện trong bảng 3:

Bảng 3. Tần suất sử dụng các từ ngữ mang chức năng ngữ pháp thể hiện thái độ hiển ngôn và hàm ngôn

Ngôn ngữ đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ
Thái độ - Hiển ngôn	44	85%
Thái độ - Hàm ngôn	8	15%

Kết quả khảo sát cho thấy gần hai phần ba các nội dung trong truyện ngắn GLĐM của nhà văn Thạch Lam chứa các giá trị đánh giá *thái độ* hiển ngôn. Việc sử dụng các hành động tạo ngôn gần liền với một giá trị biểu thị thái độ (sự phán xét tích cực hoặc tiêu cực) thể hiện trong văn bản và biểu thị rõ thái độ của chủ thể đánh giá (người đánh giá). Việc sử dụng ngôn ngữ đánh giá thể hiện *thái độ hiển ngôn* cho thấy tác giả có khuynh hướng thể hiện công khai các quan điểm thái độ của nhân vật trước những hành vi, thái độ ứng xử của các đối tượng trong xã hội, giúp người đọc là học sinh lớp 6 hiểu và lĩnh hội văn bản một cách dễ dàng hơn.

3.1.1. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “thái độ” hiển ngôn trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, Ngữ văn 6, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

Thái độ hiển ngôn được thể hiện qua hệ thống từ vựng mà không có sự diễn giải nhiều của người đọc, vì chính từ vựng đã mang giá trị đánh giá. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện *thái độ* gồm ba bình diện: *tác động* (affect), *phán xét hành vi* (judgement) và *đánh giá sự vật hiện tượng* (appreciation). Tỉ lệ ba bình diện đó trong tác phẩm GLĐM được trình bày trong bảng 4:

Bảng 4. Tỉ lệ các bình diện thể hiện phạm trù “thái độ” trong văn bản

	Các bình diện thể hiện phạm trù “thái độ”					
	Tác động		Phán xét hành vi		Đánh giá sự vật hiện tượng	
Phân cực	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)
Số lượng	13	24	1	5	1	0
Tỉ lệ (%)	30%	54%	2%	12%	2%	0
Tỉ lệ tính tổng (%)	37/44 (84%)		6/44 (14%)		1/44 (2%)	

Từ số liệu trong bảng trên, chúng ta có thể thấy rằng tỉ lệ các bình diện thể hiện phạm trù “thái độ” xuất hiện trong văn bản có sự chênh lệch. Trong văn bản, nguồn ngữ liệu được quan tâm nhiều nhất đó là bình diện *tác động*, tiếp theo đó là bình diện *phán xét hành vi* và ít nhất là *đánh giá sự vật hiện tượng*. Điều đó cho thấy rằng, trong văn bản phần lớn là thái độ thể hiện những *tác động* về mặt cảm xúc của chủ thể đánh giá nhằm biểu đạt trực tiếp những tâm tư, tình cảm và cảm xúc, trạng thái tinh thần của chính mình.

3.1.1.1. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “tác động” trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam

Theo Martin và White [11, tr.48-52], ngôn ngữ hiện thực hóa *tác động* có bốn nhóm và phân loại chúng dựa trên các yếu tố là các hệ thống đối lập đó là: *mong muốn* (tích cực/tiêu cực), *hạnh phúc* (tích cực/tiêu cực), *an toàn* (tích cực/tiêu cực) và *thỏa mãn* (tích cực/tiêu cực); được thực hiện hóa bằng danh từ, tính từ, phó từ và động từ... Bốn nhóm giá trị hiện thực hoá *tác động* đó cũng được tìm thấy trong tác phẩm GLĐM của Thạch Lam. Để thấy rõ hơn bình diện *tác động* trong tác phẩm GLĐM của

Thạch Lam, chúng tôi đã đặt ngôn ngữ đánh giá trong khung đánh giá bao gồm: chủ thể đánh giá, bị thể đánh giá và giá trị đánh giá thể hiện qua đơn vị từ vựng mang chức năng đánh giá. Cụ thể như sau:

Bảng 5. Ví dụ các giá trị hiện thực hoá “tác động” trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa”

Các giá trị hiện thực hoá “tác động”	Ý nghĩa	Từ ngữ đánh giá	Chủ thể đánh giá	Bị thể đánh giá	Giá trị đánh giá (Nội dung đánh giá)
Mong muốn	(+)	(7) Sơn biết lũ trẻ con gia đình ấy chắc bây giờ đương đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.	Sơn	lũ trẻ con	Thái độ “đợi” (những đứa trẻ ở nhà lá đang đợi Sơn)
	(-)	(8) Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo.	Hai chị em Sơn và Lan	áo	Hành động “chưa đòi được” (lo lắng chưa đòi lấy lại áo)
Hạnh phúc	(+)	(9) Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui .	Sơn	chị Lan	Thái độ “vui vui” (chị Lan chạy về lấy áo cho Hiên)
	(-)	(10) Con bé bịu xịu nói: - Hết áo rồi, chỉ còn cái này.	Hiên	áo	Thái độ “bịu xịu” (của Hiên khi không có áo mặc)
An toàn	(+)	(11) Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi : - Đằng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mẹ không mắng đâu.	Lan	Sơn	Hành động “an ủi” (Lan an ủi Sơn)
	(-)	(12) Hai chị em lo sợ , đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp.	Chị em Sơn và Lan	áo và Hiên	Thái độ “lo sợ” (khi không tìm thấy Hiên để lấy lại áo)
Thoả mãn	(+)	(13) Sau cùng mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo: - Thôi, con đi chơi. Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi.	Sơn	Sơn	Thái độ “xúng xính” (hài lòng khi được mặc áo đẹp)
	(-)	(14) Sao em lại nghĩ đem cho nó cái áo ấy, có phải bây giờ mẹ mắng chết không?	Lan	mẹ	Hành động “mắng” (khi Sơn cho áo)

Trong bảng ví dụ trên, chủ thể đánh giá (chủ thể của cảm xúc) và bị thể đánh giá là nhân vật trong tác phẩm mà không phải tác giả vì văn bản truyện trên sử dụng ngôi kể thứ ba. Tác giả sử dụng cách kể theo ngôi thứ ba: người kể tự giấu mình đi và gọi tên các nhân vật theo tên của chúng. Cách kể theo ngôi thứ ba cũng là cách kể chuyện toàn tri, người kể chuyện thấu suốt toàn bộ câu chuyện, đọc được suy nghĩ của nhân vật. Sử dụng cách kể này giúp người kể có thể kể chuyện một cách linh hoạt, tự do theo những gì diễn ra với nhân vật. Nhân vật có thể tự bày tỏ cảm xúc và tự đánh giá cảm xúc của chính mình mà không thể hiện ý kiến chủ quan của chính tác giả. Cách kể chuyện theo ngôi thứ ba này sẽ giúp tác giả truyền tải được tâm tư, tình cảm xảy ra bên ngoài tác giả một cách chân thực. Ngoài ra, cách kể này làm cho người học/đọc văn bản có cảm giác hiện thực được phản ánh trong tác phẩm không phụ thuộc nhiều vào ý kiến chủ quan của tác giả. Cách kể cũng phù hợp với các nhân vật trong tác phẩm GLĐM, bởi lẽ, các nhân vật trong tác phẩm là tuyến nhân vật có tâm lí, thái độ và hành vi đơn giản. Vì vậy, tác giả sử dụng cách kể này nhân vật dễ dàng thể hiện cảm xúc của chính mình trong từng tình huống khác nhau.

Ngoài ra, tìm hiểu về một văn bản truyện thuộc thể loại tự sự, ngoài các yếu tố về không gian, thời gian, sự kiện và các biến cố trong truyện, người học và người đọc cần quan tâm đến giá trị đánh

giá thường là các hành động, thái độ của các tuyến nhân vật khác nhau. Các tuyến nhân vật được xây dựng có sự đối lập về việc sử dụng ngôn ngữ (Ví dụ: ngôn ngữ mang *thái độ tích cực* của nhân vật Sơn và ngôn ngữ mang *thái độ tiêu cực* nhân vật Hiên), có sự tương đồng (ngôn ngữ mang *thái độ tiêu cực* của mẹ Sơn và mẹ Hiên), việc sử dụng này phần nào làm rõ được mục đích truyền tải nội dung, ngữ nghĩa của văn bản.

Từ những yêu cầu trên, khi khảo sát bình diện *tác động*, kết quả khảo sát nhóm “người thể hiện cảm xúc” trong văn bản GLĐM thu được như sau:

Bảng 6. Phân loại các nhân vật thể hiện cảm xúc

Tác động	Mong muốn		Hạnh phúc		An toàn		Thoả mãn	
Phân cực	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)
Người thể hiện cảm xúc	Những đứa trẻ đẩy nhà lá	Sơn và Lan	Sơn	Mẹ con Hiên, mẹ Sơn	Lan và mẹ Lan	Sơn	Sơn	Sơn và Lan

Kết quả khảo sát về nhân vật thể hiện cảm xúc ngôn ngữ đánh giá trong văn bản GLĐM của Thạch Lam cho thấy người thể hiện cảm xúc nhiều nhất là nhân vật Sơn và cảm xúc của Sơn thường là *tác động tích cực*. Bởi nhân vật Sơn luôn là cậu bé nhận được nhiều sự quan tâm từ mọi người xung quanh như mẹ Sơn, chị Lan và những đứa trẻ thích được chơi cùng với Sơn. Ngược lại, những nhân vật thể hiện *tác động tiêu cực* thường xuất hiện ở nhóm nhân vật mẹ con Hiên bởi gia cảnh nghèo khổ khiến cho mọi mong muốn của cô bé không được thực hiện. Nhưng kết quả khảo sát cho thấy, các nhân vật trong GLĐM có tính đa chiều về mặt *tác động*. Chẳng hạn, mẹ con Hiên vẫn có những *tác động tích cực* với những hành động đẹp của mình. Hay Sơn, Lan tuy thuộc nhóm *tác động tích cực* nhưng đôi lúc vẫn có *tác động tiêu cực* vì hành động không mong muốn đã xảy ra với hai chị em, tâm lý của những đứa trẻ sẽ luôn lo sợ vì làm trái ý bố mẹ. Từ những phân tích trên, có thể thấy, nhờ ngôn ngữ đánh giá, tác giả đã cho thấy rõ tính cách, cách hành xử của từng tuyến nhân vật và truyền tải được những giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm đến cho người đọc.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát tỉ lệ những nhóm giá trị trong “tác động” thể hiện một cách hiển ngôn trong tác phẩm GLĐM của Thạch Lam và thu được như trong Bảng 7:

Bảng 7. Tỉ lệ các nhóm giá trị “tác động” trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa”

	Các giá trị thể hiện bình diện “tác động”							
	Mong muốn		Hạnh phúc		An toàn		Thoả mãn	
Phân cực	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)
Số lượng	2	3	7	9	2	9	2	3
Tỉ lệ (%)	5,4%	8,1%	19%	24%	5%	25%	5,4%	8,1%
Tỉ lệ tính tổng (%)	5/37 (13,5%)		16/37 (43%)		11/37 (30%)		5/37 (13,5%)	

Nhìn chung, quan sát các giá trị thể hiện bình diện *tác động* trong tác phẩm GLĐM của Thạch Lam, chúng ta có thể thấy nhóm ngôn ngữ thể hiện *hạnh phúc* có tỉ lệ cao nhất trong bốn bình diện với 16 từ/ngữ chiếm 43%. *Hạnh phúc* là bày tỏ thái độ vui/buồn của chủ thể hoặc bị thể đánh giá. Trong ngữ liệu khảo sát, người thể hiện *hạnh phúc* nhiều nhất là Sơn. Đây là cơ sở để đi sâu vào phân tích tác động - + *hạnh phúc* của nhân vật này trong ví dụ dưới đây:

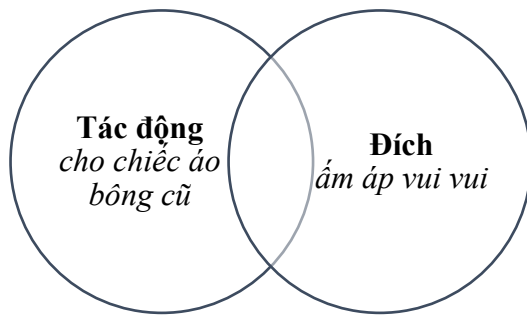
Ví dụ: Tác động - hạnh phúc (+)

(15) “*Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:*

- Hay là chúng ta đem **cho** nó cái áo bông cũ, chị ạ.
- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy **ấm áp vui vui**. (tr.71)

Trong ví dụ trên, đích “hạnh phúc” mà người thể hiện là nhân vật Sơn muốn hướng tới đó là được đem chiếc áo bông cũ dành cho Hiên. Liên kết sóng đôi [cho + chiếc áo bông cũ... + thấy ấm áp vui vui] được thể hiện trong hình 1:

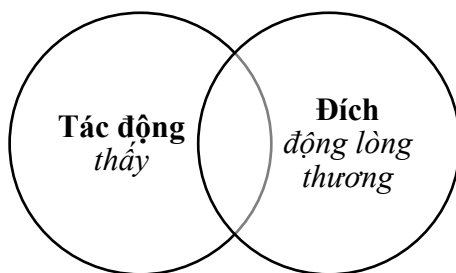


Hình 1. Liên kết sóng đôi “tác động” và đích trong ngữ liệu

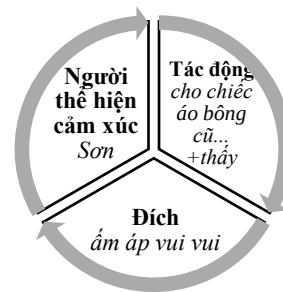
Ví dụ: Tác động - không hạnh phúc (-):

(16) “Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiên” (tr.70)

Trong ví dụ trên, tác động - không hạnh phúc mà Sơn muốn hướng tới đó là thương hoàn cảnh nghèo khổ của gia đình Hiên. Liên kết sóng đôi [thấy + động lòng thương] trong ví dụ trên được thể hiện trong hình 3:

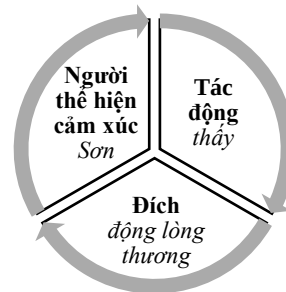


Hình 3. Liên kết sóng đôi “tác động” và đích trong văn bản



Hình 2. Liên kết ba: Người thể hiện cảm xúc, tác động và đích trong ngữ liệu

Ở đây cũng có sự kết hợp giữa *tác động*, *người thể hiện cảm xúc* và *đích* trong ví dụ tạo nên liên kết ba [Sơn + thấy + động lòng thương] được mô hình hoá trong Hình 4 dưới đây:



Hình 4. Liên kết ba: Người thể hiện cảm xúc, tác động và đích trong ngữ liệu

Thông qua hai ví dụ trên, người thể hiện cảm xúc có sự đối lập trong việc thấy *hạnh phúc* khi được làm một việc tốt, thấy *thương cảm* (*không hạnh phúc*) được với chính những người có hoàn cảnh

khó khăn hơn mình. Sơn là chủ thể đánh giá và tự đánh giá về hoàn cảnh của Sơn và những bạn nhỏ có trái ngược nhau: một bên có cuộc sống khá sung túc nhưng một bên còn đang còn phải sống túng thiếu. Sơn có những thái độ như vậy bởi lẽ Sơn là một đứa trẻ được yêu thương. Tình thương ấy được nhận từ chị và mẹ, đều là hai người hết mực yêu thương Sơn. Đối với chị Lan, khi thấy trời trở lạnh Sơn “chưa xuống giường mà gọi chị”, khi Sơn “lo mẹ mắng vì mất cái áo, chị Lan luôn an ủi”. Đối với mẹ, mẹ quan tâm từ những điều nhỏ nhặt “mẹ bảo chị mang thùng ra, mặc áo ấm cho Sơn”, khi biết chuyện Sơn cho đi chiếc áo “mẹ cũng chỉ âu yếm ôm vào lòng”. Bởi chính tình yêu thương vô điều kiện này mà tác giả đã để Sơn tự thể hiện thái độ của mình đối với các nhân vật khác và thể hiện tình yêu thương của những đứa trẻ mà không có sự phân biệt. Từ những đánh giá về ngôn ngữ trong ví dụ đã phân tích cho thấy Sơn là một người rất trong sáng, nhân hậu, giàu tình yêu thương và biết quan tâm đến mọi người xung quanh.

***Tác động - không hạnh phúc (-):**

Ngữ liệu GLĐM cho thấy tác động *không hạnh phúc* thường được thể hiện qua nhóm *động từ*, *tính từ*, *danh từ* và thường xuất hiện cùng các nhân vật mẹ Sơn, Hiền, mẹ Hiền. Ví dụ:

Bảng 8. Tác động - không hạnh phúc thể hiện thông qua động từ [ngữ liệu, tr.70-72]

Người thể hiện cảm xúc	Động từ	Ví dụ trong ngữ cảnh
Mẹ	rom róm	(17) Nhưng đến lúc vời Sơn lại gần để mặc áo, Sơn thấy mẹ hơi rom róm nước mắt.
Sơn	thương	(18) Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiền.

Bảng 9. Tác động - không hạnh phúc thể hiện thông qua tính từ [ngữ liệu, tr.70-72]

Người thể hiện cảm xúc	Tính từ	Ví dụ trong ngữ cảnh
Sơn	nghèo	(19) Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiền rất nghèo , chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa.
Mẹ Hiền	khổ	(20) Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành ra được đồng nào may áo cho con cả.

Các nhân vật đặt trong một trường ngữ cảnh diễn ngôn khác nhau và thể hiện ngôn ngữ tích cực, tiêu cực đúng với tuyến nhân vật của mình. Từ đó, tác giả cũng cho người đọc đánh giá được sự đối lập về các tuyến nhân vật trong tác phẩm. Người đọc đồng thời sẽ hiểu được về đặc điểm, vai trò của từng nhân vật và rút ra giá trị nội dung, giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm.

3.1.1.2. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “phán xét hành vi” trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam

Ngôn ngữ đánh giá thể hiện *phán xét hành vi* được chia thành các nhóm: *thông thường*, *khả năng*, *kiên trì*, *phép tắc/đạo đức* và *chân thật*. Bình diện *phán xét hành vi* chiếm 14% và đứng thứ hai trong tỉ lệ nhóm thể hiện “thái độ”. Có thể thấy, trong văn bản tác giả ít sử dụng ngôn ngữ đánh giá *phán xét hành vi* vì tác giả sử dụng ngôi kể thứ ba, nhân vật có thể linh hoạt, tự do hội thoại với nhau, thông qua hành động và lời nói của nhân vật để đánh giá về nhân vật đó. Nhóm tỉ lệ tác động *phán xét hành vi* trong văn bản được cụ thể hoá trong bảng dưới đây:

Bảng 10. Tỷ lệ các nhóm tác động “phán xét hành vi” trong văn bản

	Phán xét hành vi									
	Thông thường		Khả năng		Kiên trì		Phép tắc/ đạo đức		Chân thật	
Phân cực	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)	(+)	(-)
Số lượng	0	1	0	2	0	0	1	2	0	0
Tỷ lệ (%)	0%	17%	0%	33%	0%	0%	17%	33%	0%	0%
Tỷ lệ tính tổng (%)	1/6 (17%)		2/6 (33%)		0/6 (0%)		3/6 (50%)		0/6 (0%)	

Từ số liệu ở hai bảng trên chúng ta thấy rằng trong nhóm tác động *phán xét hành vi* thì ngôn ngữ đánh giá thể hiện “*phép tắc/đạo đức*” chiếm tỷ lệ cao nhất. Trong các tính từ (*thân mật, kiêu kì, khinh khinh và hỗn*), nhóm *phán xét hành vi - phép tắc/đạo đức* cần dựa trên những chuẩn mực của xã hội mới có thể đánh giá và thường được thể hiện qua lời kể, đánh giá của người kể chuyện. Bởi phần lớn trong truyện là sự xuất hiện của nhân vật Sơn và những đứa trẻ ở dãy nhà lá, chúng chỉ là những đứa trẻ chưa thể có những đánh giá về người khác mà chỉ có thể thể hiện cảm xúc cá nhân của mình đối với sự việc xảy ra xung quanh mình. Còn nhân vật mẹ Sơn và mẹ Hiền thì đều là hai người mẹ hiểu chuyện, hết mực yêu thương con cái dù hoàn cảnh gia đình có chênh lệch nhau nhưng họ vẫn luôn biết cách giáo dục con của mình theo đúng *phép tắc/đạo đức*. Chẳng hạn khi được cho chiếc áo, mẹ Hiền đã cùng con “*đem trả áo ngay*”. Và mẹ Sơn khi biết các con cho đi chiếc áo vẫn không trách mắng mà còn “*âu yếm ôm vào lòng*”. Tác giả muốn đem đến một giá trị về tình yêu thương giữa con người với nhau dù trong hoàn cảnh khổ cực, khắc nghiệt vẫn luôn quan tâm, chia sẻ. Thông qua những phân tích về phương diện “*phán xét hành vi*”, hành vi của từng nhân vật sẽ được thể hiện rõ, qua đó giúp chúng ta hiểu hơn về tính cách nhân vật.

Chẳng hạn, trong văn bản, ngôn ngữ thể hiện phán xét hành vi *phép tắc/đạo đức* chiếm 50% trong tổng số nhóm *phán xét hành vi*. Phân tích nhóm nhân vật thể hiện phán xét hành vi *phép tắc/ đạo đức*, kết quả thu được trong bảng sau:

Bảng 11. Nhân vật được phán xét “*phép tắc/đạo đức*” trong văn bản

Đối tượng được phán xét cụ thể	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sơn và Lan	1	33%
Các em họ của Sơn	2	67%

Trong bảng phân tích kết quả, tỷ lệ cao nhất (67%) trong các ví dụ phán xét *phép tắc/đạo đức* là nhóm các nhân vật “*các em họ của Sơn*”. Nhóm nhân vật này sẽ nằm trong nhóm phán xét hành vi *phép tắc/đạo đức* tiêu cực, thông qua từ vựng có thể thấy được hành động, cách ứng xử của nhân vật. Giá trị *tác động* thể hiện *phán xét hành vi phép tắc/đạo đức* được hiện thực hoá thông qua các từ ngữ đánh giá sau đây:

***Ngôn ngữ đánh giá thể hiện phán xét hành vi - phép tắc/ đạo đức tích cực**

Bảng 12. Phán xét hành vi - phép tắc/đạo đức tích cực thể hiện qua tính từ [ngữ liệu, tr.69]

“ <i>phép tắc, đạo đức +</i> ” thể hiện qua	Ví dụ	Ví dụ trong ngữ cảnh
Tính từ	thân mật	(21) <i>Chúng như biết cái phận nghèo của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, [...]</i>

Trong ví dụ trên, hành vi của Sơn và chị Lan “*thân mật*” với cả những đứa trẻ con có hoàn cảnh khó khăn hơn gia đình mình cũng thể hiện sự khuôn phép mang tính tích cực.

***Phân xét hành vi - phép tắc/đạo đức tiêu cực thể hiện qua tính từ:**

Bảng 13. Phân xét hành vi - phép tắc/đạo đức tiêu cực thể hiện qua tính từ [ngữ liệu, tr.69]

“phép tắc/đạo đức -” thể hiện qua	Ví dụ	Ví dụ trong ngữ cảnh
Tính từ	kiêu kì, khinh khinh	(22) Chúng như biết cái phận nghèo của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kì và khinh khinh như các em họ của Sơn
	hỗn	(23) Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỗn với vú già nên vú ấy ghét.

Thông qua hai bảng trên, ngôn ngữ đánh giá thể hiện thái độ *phân xét hành vi - phép tắc/ đạo đức* thường được thể hiện thông qua các tính từ nhằm miêu tả rõ hơn về tính cách của từng nhân vật, giúp cho người đọc định hướng được con người bên trong của từng nhân vật trong tác phẩm. Ở nhóm phân xét hành vi này, các nhân vật được phân xét đã cho thấy sự đối lập giữa tính cách các nhân vật. Chị em Sơn và Lan là người có tính cách hoà đồng, gần gũi với mọi người xung quanh, biết yêu thương những đứa trẻ nghèo, trái ngược với chị em Sơn thì nhóm nhân vật “các em họ Sơn” có thái độ không được gần gũi (*khinh khinh, hỗn*) với mọi người.

3.1.1.3. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “đánh giá sự vật hiện tượng” trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam

Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “đánh giá sự vật hiện tượng” không được thể hiện nhiều trong tác phẩm. Vì tác giả chủ yếu tập trung miêu tả tâm lí, thái độ, hành vi của nhân vật trước mỗi sự việc xảy ra mà không có nhiều những đánh giá về sự việc đó. Chúng tôi tìm thấy rất ít trường hợp đánh giá sự vật hiện tượng thể hiện giá trị được thể hiện. Đây là trường hợp hiếm hoi trong tác phẩm:

(24) Hai con tôi quý quá, **đám** tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư? (tr.72)

Tác giả đã sử dụng *tình thái từ* thể hiện sự đánh giá, bao gồm thái độ của người đánh giá là “mẹ của Sơn và Lan” về hành động cho áo của hai đứa con của mình. Ngôn ngữ đánh giá được thể hiện thông qua từ “đám” với tư cách là “một vị từ trạng thái, biểu thị sự can đảm có thể làm những việc khác thường”. Ví dụ “**đám** tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?”, có thể hiểu là hai đứa trẻ đã tự mang áo đi cho mà không thưa với mẹ một câu, tuy nhiên người mẹ cũng vẫn vui vì hành động bộc phát nhưng mang tinh thần tích cực của trẻ nên đã không trách mắng con của mình.

3.1.2. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện “thái độ” hàm ngôn trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, Ngữ văn 6, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

Trong văn bản, tỉ lệ biện pháp hiện thực hoá thái độ *hàm ngôn* xuất hiện ít. Bởi lẽ, để hiểu được hàm ý đánh giá thái độ hàm ngôn đòi hỏi người học/đọc phải có vốn kiến thức nền, kinh nghiệm và hiểu biết phong phú, đa dạng. Đối với các ngữ liệu được chọn dành cho học sinh trung học cơ sở thì biện pháp hiện thực hoá thái độ *hàm ngôn* chưa được thể hiện nhiều. Hướng nghiên cứu này có thể phát triển để tìm hiểu các tác phẩm được chọn dạy ở bậc học cao hơn. Kết quả khảo sát tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam cho thấy *thái độ* hàm ngôn không được biểu thị trực tiếp qua hệ thống từ vựng mà thông qua việc sử dụng các biện pháp “gợi mở” và “ra hiệu”.

***Biện pháp “ra hiệu”:** được thể hiện thông qua từ nhân xưng

Để hiểu rõ hơn về biện pháp “ra hiệu”, xem xét ví dụ sau:

(25) “Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo mày rách thế, **Hiên**? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u **mày** may cho?” (tr.70)

Trong đoạn trích trên ta có thể thấy Lan tuy là con nhà có điều kiện nhưng cách nói chuyện với Hiên rất thân mật, không tạo khoảng cách giàu nghèo. Lan gọi “Hiên”, “mày” một cách nhẹ nhàng, gần gũi, bày tỏ thái độ quan tâm đến Hiên.

***Biện pháp “cung cấp”:** từ vựng thông thường

Để hiểu rõ hơn về biện pháp “cung cấp”, xét ví dụ về việc đánh giá Sơn là một cậu bé sống rất tình cảm, giàu lòng trắc ẩn, biết quan tâm và yêu thương người thân, bạn bè. Những chi tiết thể hiện đặc điểm nhân vật Sơn như:

- Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện: “Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá”, cậu bé hiểu nỗi lòng của mẹ “Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt”.

- Khi nhớ ra cảnh sống nghèo khổ của gia đình Hiên: “Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên”.

Trong những câu trích trên không có từ nào nói đến Sơn là cậu bé tình cảm, giàu lòng trắc ẩn nhưng qua những chi tiết, hành động đã chứng minh cho những điều đó.

3.2. Một số nhận xét về ngôn ngữ đánh giá trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, Ngữ văn 6, tập 1, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống và gợi ý về việc đọc hiểu văn bản truyện theo khung ngôn ngữ đánh giá

Nhìn chung, các giá trị đánh giá thể hiện qua 52 từ ngữ mang chức năng đánh giá được khảo sát trong tác phẩm GLĐM của Thạch Lam như vừa được phân tích ở trên đã phản ánh phần nào cách sử dụng ngôn ngữ rất sắc sảo của tác giả khi muốn truyền tải thái độ, tư tưởng của mình qua câu chuyện về những đứa trẻ có hoàn cảnh đối lập nhau. Qua khảo sát phạm trù *thái độ* trong tác phẩm GLĐM của Thạch Lam, chúng tôi rút ra được một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, kết quả khảo sát đã cho thấy rằng, khi tìm hiểu một văn bản truyện từ phạm trù *thái độ* trong khung ngôn ngữ đánh giá, người học và người đọc có thể tìm hiểu về: *ngôi kể, lời nhân vật, hành động nhân vật, cách xưng hô của nhân vật...* thông qua các hệ thống ngôn ngữ thể hiện hiên ngôn và hàm ngôn. Trong GLĐM, ngôn ngữ đánh giá hiên ngôn được sử dụng nhiều hơn so với ngôn ngữ đánh giá hàm ngôn. Điều này thể hiện rõ đặc trưng của văn bản truyện ngắn thuộc thể loại tự sự thường ít nhân vật, ít các sự kiện phức tạp. Truyện ngắn thường chỉ hướng đến một vấn đề, một khía cạnh

trong hiện tượng đời sống xã hội và thường có kết cấu đơn giản, không chứa nhiều tầng bậc. Trong tác phẩm: GLĐM, người kể chuyện bày tỏ *thái độ* qua hành động, thái độ, lời thoại đã cho thấy rõ tác giả đã lựa chọn được ngôn ngữ cho từng nhóm nhân vật, phù hợp với độ tuổi, vị trí xã hội. Đặc biệt, bình diện “tác động” thể hiện cảm xúc chiếm tỉ lệ cao nhất, tiếp theo là “phán xét hành vi” và ít nhất là “đánh giá sự vật hiện tượng”. Các nhân vật trong GLĐM có tính đa chiều về mặt *tác động* thể hiện cụ thể qua các từ ngữ đánh giá chỉ thái độ, hành động. Ngoài ra, ngôn ngữ đánh giá thể hiện hiện ngôn đã bộc lộ được trực tiếp thái độ, sự khác biệt giữa các nhóm nhân vật (chị em Sơn - bé Hiền, mẹ Sơn - mẹ Hiền) và được thể hiện qua hệ thống từ ngữ mang chức năng đánh giá. Chính nhờ những điều này người học và người đọc là học sinh lớp 6 cũng dễ dàng tiếp cận văn bản và phù hợp với yêu cầu lựa chọn ngữ liệu theo *Chương trình Ngữ văn 2018*.

Thứ hai, văn bản truyện thuộc thể loại tự sự, các tác phẩm tự sự luôn phản ánh rõ hiện thực đời sống trong không gian và thời gian, qua các sự kiện và biến cố, trong đó, trung tâm chính là con người với những số phận cụ thể. Phạm trù *thái độ* trong văn bản GLĐM của Thạch Lam tập trung tìm hiểu về cách tác giả lựa chọn ngôn từ để xây dựng nhân vật thông qua hệ thống ngôn ngữ phù hợp cho từng nhân vật. Việc tìm hiểu này nhằm đánh giá sự khác biệt về hệ thống ngôn ngữ trong quá trình diễn ra đối thoại của các nhân vật. Đồng thời, định hướng suy nghĩ và tạo ảnh hưởng đến hành vi của người học/đọc về việc đánh giá các nhân vật. Từ việc đánh giá này, người học/đọc có thể phân loại các tuyến nhân vật khác nhau và rút ra được các giá trị nội dung, giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm truyện.

Thứ ba, qua kết quả khảo sát, người học/đọc tìm hiểu phạm trù *thái độ* trong văn bản truyện cũng cần chú ý đến ngôn cảnh văn hoá. Khi đọc hiểu một tác phẩm truyện ngắn nói riêng, ngôn cảnh văn hoá có thể được tái hiện trong chính văn bản. Để hiểu được các vấn đề tầng ngữ nghĩa diễn ngôn của văn bản văn học, trước tiên, người học/đọc phải cắt nghĩa các các lớp từ ngữ trong văn bản một cách trọn vẹn, cụ thể cắt nghĩa được từng sự kiện, từng lời thoại của nhân vật... Sau đó, thâm nhập vào hệ thống hình tượng, những ẩn ý mà nhà văn đã đưa ra. Khi ấy, người học/đọc phải huy động tất cả những hiểu biết của mình về lịch sử, xã hội, văn hoá,... của một dân tộc để hiểu đúng nghĩa của phát ngôn và đánh giá đúng thái độ của phát ngôn đó. Từ đây, người học/đọc có thể đưa ra đánh giá về các nhóm nhân vật khác nhau trong tác phẩm.

4. Kết luận

Bài viết bước đầu khảo sát về đặc điểm phạm trù *thái độ* ở văn bản truyện GLĐM của Thạch Lam trong Ngữ văn 6, tập 1, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* nhằm chỉ ra đặc điểm ngôn ngữ đánh giá thực hiện chức năng liên nhân trong tác phẩm, qua đó góp phần làm sáng tỏ đặc điểm ngữ nghĩa của diễn ngôn văn học trong truyện ngắn GLĐM của Thạch Lam. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong tác phẩm: GLĐM phần lớn ngôn ngữ đánh giá tập trung ở bình diện *tác động* nhằm diễn tả cụ thể tâm lí, hành vi của các nhóm nhân vật, các sự kiện diễn ra trong văn bản. Ngôn ngữ đánh giá thể hiện phạm trù *tác động* được tác giả lựa chọn phù hợp với cho từng nhóm nhân vật (về độ tuổi, về vị trí xã hội) trong truyện. Các nhân vật trong GLĐM có tính đa chiều về mặt *tác động* thể hiện cụ thể qua các từ ngữ đánh giá chỉ thái độ, hành động. Từ kết quả nghiên cứu cụ thể về phạm trù *thái độ* trong văn bản truyện “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, bài viết cũng gợi mở một số vấn đề cần lưu ý về việc tìm hiểu đặc điểm của khung ngôn ngữ đánh giá trong văn bản truyện. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất

một số định hướng nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản truyện cho học sinh phổ thông dựa theo khung ngôn ngữ đánh giá.

NGUỒN NGŨ LIỆU

1. Bùi Mạnh Hùng, *Sách giáo khoa Ngữ văn 6, Tập 1, bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống”*, NXB Giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018), 2018.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018), 2018.
3. Nguyễn Văn Hiệp, *Cú pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
4. Trần Thị Thanh Hương, *Ngôn ngữ đánh giá của các giám khảo trên truyền hình thực tế trong một số chương trình giải trí tiếng Việt (có liên hệ với tiếng Anh)*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
5. Phạm Thị Thu Hương, *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, 2023.
6. Nguyễn Thị Hương Lan, *Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (so sánh sách tiếng anh tiểu học ở Singapore và sách tiếng việt tiểu học ở Việt Nam)*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2018.
7. Nguyễn Thị Lương, *Câu tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2013.
8. Ngô Thị Bích Thu, *Giáo dục năng lực giao tiếp trong môn tiếng Việt ở bậc tiểu học tại Việt Nam nhìn từ góc độ lý thuyết về thể loại theo trường phái Sydney*, Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, Số 1 (243), tr.76 - 81, 2016.
9. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2006.

Tiếng Anh

10. Halliday, M.A.K., Matthiessen, C. M. I. M., *An Introduction to Functional Grammar* (3rd ed.), London: Hodder Education, 2004.
11. Martin, J. R., White, P. R., *The Language of Evaluation: Appraisal in English*. London/New York: Palgrave/Macmillan, 2005.
12. Thu T. B. N., *The deployment of the language of evaluation in English and Vietnamese spoken discourse*, Thesis submitted for the degree of Doctor of Philosophy, University of New England, 2013.